

BÁO CÁO
CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2022
VÀ KẾ HOẠCH KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP gỗ MDF VRG Quảng Trị.

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần gỗ MDF VRG Quảng Trị;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần gỗ MDF VRG Quảng Trị;

Ban kiểm soát Công ty CP gỗ MDF VRG Quảng Trị xin báo cáo công tác kiểm tra, giám sát năm 2022 và kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2023 như sau:

I. Tình hình thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát năm 2022:

1. Kiểm tra, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã ban hành 8 Nghị quyết và 5 Quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được ban hành thông qua các cuộc họp định kỳ và thông qua phiếu lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị.

Thông qua các nội dung trên, Ban kiểm soát cho rằng, Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng và đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của mình trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Kiểm tra, giám sát công tác quản lý điều hành của Ban Tổng giám đốc:

- Ban Tổng giám đốc đã thực hiện tốt và đầy đủ chỉ đạo của Hội đồng quản trị thông qua các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trong công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2022;

- Quản lý tốt định mức tiêu hao nguyên vật liệu cũng như chi phí sản xuất chung để giảm giá thành sản phẩm.

Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc Công ty cần quyết liệt hơn nữa trong việc quản lý giá thành, tiết giảm chi phí nhằm hạ giá thành sản phẩm.

3. Kiểm tra, giám sát kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022:

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ (%)
1	Sản lượng sản xuất (m ³)	240.000	252.084	104,87
	- Sản phẩm đạt (m ³)	240.000	251.698	104,87
	- Sản phẩm hỏng (m ³)	-	386	
2	Sản lượng tiêu thụ (m ³)	240.000	259.490	108,12
	- Xuất khẩu (m ³)	15.541	4.539	29,21
	- Nội địa (m ³)	224.459	254.951	113,58
3	Doanh thu và thu nhập	1.284.970.000.000	1.290.057.970.839	100,39
	- Doanh thu thuần SXKD	1.284.970.000.000	1.287.869.704.529	100,39

	- Doanh thu tài chính		1.559.426.501	
	- Thu nhập khác		628.839.809	
4	Tổng chi phí	1.196.937.000.000	1.285.623.367.988	107,4
	- Giá vốn hàng bán	1.065.319.000.000	1.160.137.243.996	108,15
	- Chi phí quản lý DN	19.639.000.000	15.638.078.574	79,52
	- Chi phí bán hàng	79.114.000.000	77.658.170.879	98,16
	- Chi phí hoạt động TC	32.865.000.000	31.409.724.692	95,57
	- Chi phí khác		780.149.847	
5	Lợi nhuận trước thuế	88.033.000.000	4.434.602.851	5,03
6	Nộp ngân sách (đã nộp)	27.777.000.000	75.424.701.778	271,50
7	Lao động b/quân (người)	415	415	100,00
8	Quỹ lương, trong đó:	57.072.402.167	51.390.361.950	90,04
	- Người lao động	55.040.592.827	49.536.533.544	90,0
	- NQL chuyên trách	1.779.809.340	1.601.828.406	90,3
	- Thù lao	252.000.000	252.000.000	100,00
9	Tiền lương BQ (đ/ng/th)	11.460.322	10.319.350	90,04

Những yếu tố ảnh hưởng:

- Giá nguyên liệu gỗ thu mua bình quân năm 2022: 1.147.371 đồng/tấn, tăng 209.978 đồng/tấn so với năm 2021 (937.393 đồng/tấn);

- Nguyên liệu gỗ tiêu hao năm 2022: 1,60 tấn/m³, tương đương mức tiêu hao năm 2021 (1,59 tấn/m³).

- Keo tiêu hao năm 2022: 106 kg/m³ giảm nhẹ 1,25 kg/m³ so với năm 2021: 107,25 kg/m³;

- Giá thành bình quân năm 2022: 4.344.564 đồng/m³, tăng: 462.427 đồng/m³ so với năm 2021: 3.882.137 đồng/m³;

- Giá bán bình quân năm 2022:

+ Sản phẩm xuất khẩu: 4.539,15 m³ giá trị 34.849.806.070 đồng, tương đương 7.677.606 đồng/m³;

+ Sản phẩm bán tại kho nhà máy (không bao gồm cước vận chuyển): 108.076,57 m³ giá trị 482.935.320.813 đồng, tương đương 4.468.455 đồng/m³;

+ Sản phẩm bán tại kho khách hàng (bao gồm cước vận chuyển): 146.874,22 m³ giá trị 769.602.879.007 đồng, tương đương 5.239.877 đồng/m³;

Các chỉ tiêu cấu thành nên giá thành tiêu thụ sản phẩm: Giá vốn hàng bán tăng 8,15% kế hoạch, trong khi tổng doanh thu chỉ tăng 0,39%. Các chỉ tiêu khác như: Chi phí QLDN (79,52% kế hoạch), chi phí bán hàng (98,16% kế hoạch) và chi phí hoạt động tài chính (95,57 % kế hoạch), Tuy nhiên, trong năm Công ty có thực hiện bán hàng tại kho nhà máy (không bao gồm chi phí vận chuyển), đề nghị Phòng kinh doanh phân tích thêm yếu tố này để đánh giá và xác định chi phí vận chuyển phát sinh trong năm chuẩn xác hơn.

Qua số liệu trên cho thấy giá thành bình quân năm 2022 tăng chủ yếu do giá nguyên liệu đầu vào tăng cao (tăng 462.427 đồng/m³ so với năm 2021), định mức tiêu hao gỗ nguyên liệu và keo đều tăng/giảm không đáng kể.

Công tác tiền lương: Công ty đã chi trả hết tiền lương năm 2022 theo số liệu ở bảng trên (51.390.361.950 đồng) trong tháng 01/2023. Tuy nhiên đến ngày 20/4/2023 Tập đoàn mới có Văn bản số 921/CSVN-LĐTL về việc thỏa thuận quỹ

tiền lương năm 2022 và kế hoạch lao động năm 2023 của Công ty (48.092.199.120 đồng). Đề nghị Công ty rà soát, tính toán lại quỹ tiền lương theo đúng quy định của nhà nước và hướng dẫn của Tập đoàn. Cụ thể như sau:

- Quỹ lương người lao động: 46.784.506.320 đồng
 - Quỹ lương NQL chuyên trách: 1.055.692.800 đồng
 - Quỹ thù lao NQL không C/trách: 252.000.000 đồng
- Tổng cộng: 48.092.199.120 đồng

3. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính đến thời điểm 31/12/2022:

ĐVT: đồng

TT	Chỉ tiêu	Tại thời điểm 01/01/2022	Tại thời điểm 31/12/2022
Tài sản			
A	Tài sản ngắn hạn	416.916.877.144	400.354.551.580
1	Tiền và tương đương tiền	37.632.332.491	49.481.411.014
2	Phải thu ngắn hạn	26.637.548.743	105.189.259.680
3	Hàng tồn kho	348.095.812.750	238.254.658.699
	<i>Trong đó dự phòng HTK</i>	<i>(2.717.591.867)</i>	<i>(1.306.482.884)</i>
4	Tài sản ngắn hạn khác	4.551.183.160	7.429.222.187
B	Tài sản dài hạn	888.460.475.399	838.082.151.696
1	Tài sản cố định	872.672.242.390	780.480.536.212
2	Tài sản dở dang dài hạn	56.325.606	56.325.606
3	Đầu tư tài chính dài hạn	3.000.000.000	3.000.000.000
4	Tài sản dài hạn khác	12.731.907.403	54.545.289.878
	Tổng tài sản	1.305.377.352.543	1.238.436.703.276
Nguồn vốn			
A	Nợ phải trả	580.332.765.174	571.169.601.885
1	Nợ ngắn hạn	438.724.118.701	539.560.955.412
	<i>Trong đó vay ngắn hạn</i>	<i>300.698.565.658</i>	<i>451.488.045.093</i>
2	Nợ dài hạn	141.608.646.473	31.608.646.473
	<i>Trong đó vay dài hạn</i>	<i>141.608.646.473</i>	<i>31.608.646.473</i>
B	Vốn chủ sở hữu	725.044.587.369	667.267.101.391
1	Vốn chủ sở hữu	725.044.587.369	667.267.101.391
	Tổng nguồn vốn	1.305.377.352.543	1.238.436.703.276

Nhận xét chung về tình hình tài chính đến thời điểm 31/12/2022:

Trên cơ sở Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía bắc. Ban kiểm soát xin báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022 như sau:

1. Về công tác lập và trình bày báo cáo tài chính:

- Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính đã được Công ty lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

- Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam kiểm toán. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty tại ngày

31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Về công nợ:

- Công ty thực hiện quản lý công nợ theo từng đối tượng khách hàng. Nếu như năm 2021 nợ phải thu khách hàng luôn duy trì ở mức thấp hơn nợ phải trả người bán (*chiếm dụng vốn nhiều hơn bị chiếm dụng*) thể hiện được tính hiệu quả trong công tác quản lý công nợ phải thu, Năm 2022 thì ngược lại là Nợ phải thu khách hàng cao hơn nợ phải trả người bán (*Công ty đang bị khách hàng chiếm dụng vốn*). Đây cũng là một trong những nguyên nhân làm giảm lợi nhuận của Công ty trong năm 2022.

- Nợ vay đến thời điểm 31/12/2022 là: 483,09 tỷ đồng. Trong đó: ngắn hạn: 451,48 tỷ đồng và dài hạn: 31,60 tỷ đồng, tăng so với thời điểm đầu năm (442,31 tỷ đồng) là: 40,78 tỷ đồng.

3. Về hàng tồn kho: Hàng tồn kho thời điểm 31/12/2022 là: 239,56 tỷ đồng. Trong đó: Nguyên liệu: 53,91 tỷ đồng; công cụ dụng cụ: 65,19 tỷ đồng; chi phí SXKD dở dang: 3,6 tỷ đồng và thành phẩm tồn kho: 116,76 tỷ đồng, giảm so với thời điểm đầu năm (350,81 tỷ đồng) là: 111,25 tỷ đồng. Tuy nhiên, mức tồn kho thành phẩm vẫn đang ở mức cao góp phần làm giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Về lợi nhuận: Lợi nhuận trước thuế: 4,43 tỷ đồng chỉ đạt 5,03% Kế hoạch. Mức lợi nhuận quá thấp so với kế hoạch được duyệt.

5. Phân tích các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán:

5.1. Khả năng thanh toán tổng quát (Ktq) = $\frac{\text{Tổng Tài sản}}{\text{Nợ phải trả}} = 2,16$: Phản ánh khả năng thanh toán tổng quát của Công ty là rất tốt. Tuy nhiên, hiệu quả sử dụng vốn là không cao nên khả năng tăng trưởng thấp.

5.2. Khả năng thanh toán ngắn hạn (Knh) = $\frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}} = 0,70$: Chỉ tiêu này dùng để đánh giá khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn trong vòng 1 năm bằng các tài sản ngắn hạn có khả năng chuyển hóa thành tiền trong vòng 1 năm. Chỉ tiêu này lớn hơn 1 là an toàn. Nhưng Công ty chỉ đạt 0,70 lần có nghĩa rằng Công ty đang dùng các khoản vay ngắn hạn để tài trợ cho các tài sản dài hạn. Đây là dấu hiệu báo trước những khả năng tiềm ẩn về tài chính mà Công ty có thể gặp phải trong việc trả các khoản nợ ngắn hạn. Công ty cần tăng cường kiểm soát khả năng thanh toán ngắn hạn để tránh tình trạng mất khả năng chi trả các khoản nợ ngắn hạn.

5.3. Khả năng thanh toán nhanh (Knh) = $\frac{(\text{Tiền và các khoản tương đương tiền} + \text{Đầu tư tài chính ngắn hạn})}{\text{Nợ ngắn hạn}} = 0,09$: chỉ tiêu này trên 0,5 lần là an toàn. Nhưng Công ty chỉ đạt 0,09 là quá thấp. Như vậy, Công ty đang gặp khó khăn trong việc chi trả, tính thanh khoản quá thấp.

5.4. Khả năng thanh toán dài hạn (Kdn) = $\frac{\text{Tài sản dài hạn}}{\text{Nợ dài hạn}} = 26,5$: Chỉ tiêu này của Công ty rất an toàn.

5.5. Hệ số nợ so với vốn chủ sở hữu (Nesh) = $\frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{vốn CSH}} = 0,85 < 1$ có nghĩa là tỷ lệ nợ thấp hơn phần vốn chủ sở hữu. Công ty đang quản lý rủi ro từ những khoản nợ khá tốt.

5.7. Hệ số nợ so với tài sản (Ntts) = $\frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Tổng TS}} = 0,46$ Chỉ tiêu này an toàn vì phần lớn tài sản của Công ty được tài trợ bằng vốn chủ sở hữu.

Căn cứ các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán đến thời điểm 31/12/2022 và qua phân tích các chỉ số tài chính cho thấy tình hình tài chính của Công ty trong năm 2022 không được tốt. Tuy nhiên xét về tổng thể dựa trên cơ cấu tài sản và nguồn vốn vẫn đang ở mức an toàn.

Ban kiểm soát thống nhất các ý kiến đề xuất của Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam tại Thư quản lý cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và đề nghị Công ty nghiêm túc thực hiện (*Kèm theo Thư quản lý cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam*).

4. Về công tác đầu tư XDCB và trả nợ vay năm 2022:

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ (%)
A	Khối lượng đầu tư	5.100.000.000	3.012.600.186	59,97
1	Xây lắp		465.896.276	
2	Thiết bị	5.100.000.000	2.546.703.910	49,94
B	Trả nợ vay dài hạn	110.000.000.000	86.400.000.000	78,55
Tổng cộng		115.100.000.000	89.412.600.186	77,68

Trong đó có 02 hạng mục không có trong kế hoạch vốn đầu tư XDCB được phê duyệt năm 2022:

- Cải tạo, mở rộng bao che khu vực làm sạch dăm giá trị 465.896.276 đồng
- Máy Photocopy giá trị 103.636.364 đồng.
- Trong năm 2022 Công ty có đầu tư 01 xe ô tô hiệu Ford Explorer 7 chỗ có giá trị sau thuế là 2.366.000.000 đồng, việc mua sắm xe ô tô nói trên không thực hiện theo đúng quy định của Tập đoàn và vượt kế hoạch đã được phê duyệt 1.100.000.000 đồng và vượt hạn mức quy định của nhà nước. Công ty thực hiện đầu tư khi chưa có thủ tục phê duyệt Báo cáo đầu tư/lựa chọn nhà thầu của HĐQT Công ty là chưa đảm bảo quy định.

- Đối với kế hoạch trả nợ vay dài hạn năm 2022 theo lịch trả nợ với ngân hàng là 110.000.000.000 đồng nhưng do những năm trước đã trả vượt nên năm nay chỉ thực hiện 86.400.000.000 đồng vẫn đảm bảo kế hoạch trả nợ dài hạn.

5. Một số nội dung khác:

- Tình hình kiểm kê: Công ty có Văn bản số 309/CV-MDF.QT ngày 20/12/2022 về việc thực hiện kiểm kê tại thời điểm 0 giờ ngày 01/01/2023. Các Tổ kiểm kê (09 tổ) đã thực hiện kiểm kê theo phân công và có Biên bản kiểm kê gửi về Phòng Tài chính kế toán Công ty để tổng hợp.

- Tình hình đối chiếu công nợ đến thời điểm 31/12/2022:

- + Phải thu khách hàng 98.854.038.857 đồng, trong đó đã đối chiếu: 97.254.257.432 đồng, đạt tỷ lệ 98,38%;

- + Trả trước cho người bán: 7.315.258.275 đồng, trong đó đã đối chiếu: 6.353.625.409 đồng đạt tỷ lệ 86,85%;

- + Phải thu tạm ứng: 1.313.567.145 đồng, trong đó đã đối chiếu: 1.313.567.145 đồng đạt tỷ lệ 100% (Trong đó lưu ý công nợ tạm ứng đối với các khoản: 38.522.914 đồng phát sinh 2008 và 628.862.192 đồng phát sinh 2016);

- + Phải trả người bán 44.171.182.881 đồng, trong đó đã đối chiếu: 42.667.131.014 đồng (tỷ lệ 96,59%);

+ Người mua trả tiền trước: 492.372.351 đồng, trong đó đã đối chiếu: 492.372.351 đồng (tỷ lệ 100%).

- Số trích lập dự phòng nợ phải thu tại ngày 31/12/2022 là: 2.725.167.702 đồng, giảm so với thời điểm đầu năm (5.110.670.045 đồng) 2.385.502.343 đồng.

- Số trích lập dự phòng hàng tồn kho tại ngày 31/12/2022 là: 947.446.633 đồng, giảm so với thời điểm đầu năm (2.717.591.867 đ): 1.770.145.234 đồng.

- Tình hình khắc phục các kiến nghị tại Thông báo ngày 26/10/2022 của Ban kiểm soát Tập đoàn về việc giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ của Công ty CP gỗ MDF VRG Quảng Trị năm 2022 và Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT.MDFQT ngày 12/10/2022 của HĐQT Công ty:

Thực hiện yêu cầu của Hội đồng quản trị Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam tại Văn bản số 3099/HĐQTCSVN-KHĐT ngày 4/11/2022. Ngày 14/11/2022, Tổng giám đốc Công ty đã có Báo cáo số 277/BC-MDF.QT báo cáo về việc quản lý đất đai, mua sắm và đầu tư năm 2021 và Báo cáo số 227A/BC-MDF.QT ngày 5/10/2022 Báo cáo tình hình thực hiện đầu tư XDCB, mua sắm thường xuyên; công tác quản lý đất đai, đầu tư tài chính tại Công ty. Trên cơ sở các báo cáo và các tài liệu kèm theo. Ban kiểm soát có ý kiến như sau:

1. Về việc ban hành quy chế thu mua nguyên liệu và quy chế tài chính:

Hiện nay, Hội đồng quản trị đã phê duyệt và ban hành Quy chế thu mua nguyên liệu. Còn lại Quy chế tài chính và Quy chế bán hàng đang trình Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt trong cuộc họp sắp tới.

2. Về dự án liên kết trồng rừng Tân Hợp: Ban điều hành đã làm việc với Công ty TNHH MTV Nguyên Block và đã ký Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 6/2/2022 điều chỉnh nội dung Hợp đồng. Cụ thể:

Điều 1: Nội dung bổ sung PLHĐ:

- Bên A có trách nhiệm bàn giao tọa độ có cắm mốc vị trí, ranh giới khu đất trên thực địa để Bên B tiếp tục triển khai trồng rừng trên phần diện tích còn thiếu theo hợp đồng.

- Bên B có trách nhiệm trồng rừng theo hợp đồng đã ký kết và có trách nhiệm quản lý, bảo vệ diện tích đất mà bên A đã bàn giao trong thời gian thực hiện hợp đồng số 358A/2021/HĐ-LKTR ngày 24/11/2021.

3. Về nội dung đề nghị xử lý thu hồi khoản đầu tư tài chính vào Công ty CP Tuấn Lộc Quảng Trị:

Khoản đầu tư vào Công ty CP Tuấn Lộc Quảng Trị qua các năm không đem lại hiệu quả, nên việc Công ty thoái vốn và bảo toàn vốn đầu tư là cần thiết.

Về thủ tục thoái vốn: Công ty Tuấn Lộc chấm dứt hoạt động theo Quyết định số 39/QĐ-KKT ngày 10/4/2019 của Ban quản lý Khu kinh tế Tỉnh Quảng Trị. Theo quy định, Công ty Tuấn Lộc phải tiến hành lập các thủ tục chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp theo luật định. Đồng thời phải rà soát và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ trả nợ theo thứ tự ưu tiên như: thuế, tiền lương người lao động và sau đó là khách hàng . . . Tuy nhiên, Công ty Tuấn Lộc không thể thực hiện các thủ tục chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp vì nhiều lý do.

Theo Chứng thư thẩm định giá của Công ty thẩm định giá Exim, phần tài sản góp vốn của Công ty được xác định còn lại là: 2,057 tỷ đồng và nếu căn cứ vào đó làm cơ sở để chào bán cổ phần của Công ty tại Công ty Tuấn Lộc là chưa đảm bảo quy định. Mặt khác, theo quy định tại Thông tư 28/2015/TT-BTC ngày 06/3/2015 Ban hành tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 05, 06 và 07 thì thời

hạn có hiệu lực của kết quả thẩm định giá tối đa không quá 6 tháng kể từ ngày chứng thư thẩm định giá có hiệu lực (19/8/2019 – thời điểm này thực hiện cũng trễ so với quy định). Đến nay, phía Công ty cổ phần Tuấn Lộc Quảng Trị đã chuyển cho Công ty cổ phần gỗ MDF VRG Quảng Trị: 3 tỷ đồng. Cụ thể: Ngày 26/4/2022: 1 tỷ đồng; ngày 9/5/2022: 1 tỷ đồng; ngày 2/8/2022: 1 tỷ đồng. Tuy nhiên việc chuyển trả lại tiền vốn góp với số tiền như trên là chưa có cơ sở.

4. Về việc tổ chức khắc phục các sai sót trong việc đầu tư XD CB, đấu thầu và mua sắm thường xuyên: Ban điều hành đã có Văn bản báo cáo HĐQT.

5. Về đất đai: Tình trạng lấn chiếm của người dân (29,3 ha) trên diện tích do Công ty quản lý đến nay vẫn chưa khắc phục được, do người dân sống xung quanh khu vực đất bị tranh chấp là đồng bào dân tộc, sinh sống từ trước tới nay, việc xử lý không khéo sẽ làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Đối với diện tích đất tại Tiểu khu 690B Xã Tân Hợp - Huyện Hướng Hóa và Tiểu khu 707B Xã Ba Nang – Huyện Đăk Rông mặc dù UBND Tỉnh có Quyết định thu hồi nhưng chưa có phân định lại mốc giới trên thực địa, cũng như cấp lại bản đồ cho thuê đất nên chưa có Biên bản bàn giao chỉ giới cụ thể.

6. Về việc đầu tư 01 xe ô tô Ford Explorer 7 chỗ: Tổng giám đốc Công ty đã có Báo cáo số 256/BC-MDF.QT ngày 25/10/2022 và đề xuất Hội đồng quản trị Công ty cho thanh lý tài sản nói trên.

6. Kiến nghị, đề xuất:

- Đề nghị tiếp tục tăng cường hơn nữa công tác quản lý sản xuất, tiết giảm tối đa chi phí đầu vào phát sinh; Tiếp tục rà soát, lập báo cáo phân tích các khoản mục cấu thành sản phẩm năm 2022 để có cơ sở đánh giá, xây dựng và thực hiện kế hoạch năm 2023 sát thực tế đảm bảo đạt hiệu quả tương đồng với các đơn vị cùng ngành.

- Tăng cường công tác quản lý, thu hồi nợ; Tìm kiếm thêm khách hàng, mở rộng thị trường, xây dựng kế hoạch tiêu thụ sản phẩm nhằm giảm lượng hàng tồn kho, từ đó cải thiện khả năng thanh toán và tăng hiệu quả SXKD của đơn vị.

- Đối với việc thực hiện đầu tư các hạng mục chưa có trong kế hoạch, thực hiện đầu tư XD CB khi chưa được sự phê duyệt của HĐQT và các sai sót/tồn tại trong quá trình mua sắm thường xuyên đề nghị Ban điều hành chấn chỉnh, tổ chức khắc phục đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

- Theo dõi và quản lý chặt chẽ hợp đồng liên kết trồng rừng tại tiểu khu 690B, Xã Tân Hợp-Hướng Hóa-Quảng Trị, đồng thời đề nghị Công ty tiếp tục làm việc với các cơ quan chức năng để giải quyết dứt điểm và triệt để việc bàn giao diện tích đất chưa đưa vào khai thác đối với diện tích đất tại Tiểu khu 690B Xã Tân Hợp - Hướng Hóa và Tiểu khu 707B Xã Ba Nang – Huyện Đăk Rông.

- Đề nghị Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty xử lý dứt điểm khoản đầu tư vào Công ty CP Tuấn Lộc Q.trị theo đúng quy định của pháp luật.

- Tiếp tục rà soát và hoàn thiện, sửa đổi bổ sung Quy chế tài chính, Quy chế bán hàng trình Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt trong kỳ họp sắp tới.

II. Kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2023:

Căn cứ Văn bản số: 35/HĐQTCSVN-TCKT ngày 03/2/2023 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam tại về việc yêu cầu lập, gửi báo cáo hoạt động năm 2022 và kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2023 của Kiểm soát

viên và Ban kiểm soát các đơn vị. Ban kiểm soát Công ty Cổ phần gỗ MDF VRG Quảng Trị xây dựng Kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2023 như sau:

- Kiểm tra, giám sát việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh; đầu tư xây dựng cơ bản và các công việc khác trong năm 2023;

- Kiểm tra, giám sát việc thực thi các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị trong công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Ban điều hành Công ty;

- Tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ do Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam tổ chức (nếu có);

- Đề xuất với Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023;

- Tổ chức thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng và Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán để báo cáo HĐQT Tập đoàn và Đại hội đồng cổ đông;

- Giám sát việc xây dựng và thực hiện kế hoạch SXKD năm 2023;

- Giám sát việc thực hiện các kiến nghị của Đoàn kiểm tra (nếu có);

- Giám sát việc mua sắm thường xuyên vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2023;

- Tham gia các cuộc họp do HĐQT và Ban Tổng giám đốc tổ chức;

- Tổ chức kiểm tra, giám sát tập trung định kỳ để kịp thời Báo cáo Tập đoàn và Hội đồng quản trị;

- Giám sát việc thực hiện công bố thông tin định kỳ theo quy định của Ủy ban chứng khoán;

- Thực hiện một số nội dung công việc khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị Tập đoàn; Cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty.

Trên đây là Báo cáo của Ban kiểm soát Công ty cổ phần gỗ MDF VRG Quảng Trị về công tác kiểm tra, giám sát năm 2022 và kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2023.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT Công ty;
- Lưu: BKS

Lê Chiến Sỹ

